

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29/8/2018.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Kim Na Rinh.

Ông Nguyễn Hoàng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Từ Đức Thắng – Chức vụ Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2018/TLST-HNGĐ, ngày 08/5/2018, về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-HN, ngày 18 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Tuyết H, sinh năm 1972. Địa chỉ: Ấp G, xã K H, huyện C N, tỉnh T V. Có mặt.

Bị đơn: Ông Thạch C, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp G, xã K H, huyện C N, tỉnh T V. Vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Sơn Thị Tuyết H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông C xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K H ngày 19/01/1995, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, sau ngày cưới vợ chồng sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông C không lo làm ăn mà tham gia uống rượu hàng ngày, khi về nhà là kiểm chuyện gây gổ đánh nhau rất nhiều lần nên bà không thể nào sống được từ đó bà bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, một năm bà về thăm nhà một lần nhưng ông C hăm dọa đánh đập bà nên bà không dám về, còn ông C thì không có liên lạc gì với bà, bà và ông C ly

thân hơn 10 năm, nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

- *Về nuôi con tên:* Thạch Thị Tuyết M, sinh năm 1995 đã thành niên nên bà không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung của vợ chồng:* Bà H không có tranh chấp, không khởi kiện nên Tòa không xem xét giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả:* Bà H không có tranh chấp, không khởi kiện nên Tòa không xem xét giải quyết. Ngoài ra bà H không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị đơn ông Thạch C: Vắng mặt lần thứ nhất và có làm đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, nên ông C không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ cho các đương sự nhận. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông C, về nuôi con, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do bà H không tranh chấp, không khởi kiện, nên không giải quyết. Bà H được miễn nộp án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ông Thạch C là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa ông C vắng mặt lần thứ nhất và ông có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C theo quy định pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy bà H làm đơn khởi kiện ông C yêu cầu giải Tòa án quyết cho bà được ly hôn với ông C, ngoài ra bà không có yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp ly hôn*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Xét thấy bà H và ông C xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã K H ngày 19/01/1995, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn, từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới bà H và ông C sống đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn.

Bà H khai: Nguyên nhân do ông C không lo làm ăn mà tham gia uống rượu hàng ngày, khi về nhà là kiếm chuyện gây gổ đánh nhau nhiều lần nên bà không thể nào sống được từ đó bà bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm thuê, một năm bà về thăm nhà một lần, khi gặp nhau ông C hăm dọa đánh đập nên bà không dám về nhà và chấm dứt tình cảm vợ chồng đến nay hơn 10 năm, tình cảm vợ chồng không còn. Nay bà yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông C.

Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án ông C đều vắng mặt, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ ghi lời khai của ông C, ông C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về lối sống và ứng xử giao tiếp vợ chồng, mỗi lần ông uống rượu về nhà thì xảy ra mâu thuẫn xung đột, gây gổ nhau, sự việc xảy ra nhiều lần, bà H bỏ nhà ra đi tính đến nay 10 năm không có liên lạc với nhau. Nay ông còn thương bà H không đồng ý ly hôn, còn bà H cương quyết ly hôn với ông thì yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Xét thấy gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng để hình thành và giáo dục nhân cách con người, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Do đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Quá trình chung sống giữa bà H và ông C tuy chưa thống nhất với nhau về lối sống, cách ứng xử giao tiếp vợ chồng thì ông, bà phải tự điều chỉnh hành vi của mình, cùng nhau góp ý xây dựng, chia sẻ và tôn trọng lẫn nhau nhằm bảo vệ hạnh phúc gia đình. Đáng này khi mâu thuẫn xảy ra thì ông, bà bỏ mặt, không quan tâm đến từ đó làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt cụ thể là bà H và ông C đã ly thân không còn chung sống với nhau 10 năm.

Tòa án mở 03 phiên họp để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng ông C đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được. Tại phiên tòa hôm nay ông C tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy việc hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Từ những chứng cứ nêu trên, xét thấy mâu thuẫn giữa bà H và ông C ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà H, xử cho bà H được ly hôn với ông C là phù hợp quy định pháp luật.

- **Về nuôi con tên:** Thạch Thị Tuyết M, sinh năm 1995 đã thành niên nên bà H không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- **Về tài sản chung của vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà H không khởi kiện, không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định pháp luật bà Sơn Thị Tuyết H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng do bà H là người dân tộc thiểu số sống ở xã Kim Hòa huyện Cầu Ngang thuộc xã nghèo, bà H có làm đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Căn cứ các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Sơn Thị Tuyết H được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Sơn Thị Tuyết H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho bà Sơn Thị Tuyết H và ông Thạch C được ly hôn với nhau.

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Sơn Thị Tuyết H được miễn nộp án phí.

3. *Về quyền kháng cáo:*

- Bà Sơn Thị Tuyết H có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Thạch C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt, niêm yết hợp lệ./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã KH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm